

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-PT
Ngày: 25/01/2024.
“V/v Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Tài Sử

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng. - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLPT-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “*Kiện đòi tài sản*” Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thị L, sinh năm: 1965, địa chỉ: Khu vực BC, phường ĐĐ, thị xã AN, tỉnh BĐ.- có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1972 địa chỉ: BH, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; tạm trú tại: Khu vực BC, phường ĐĐ, thị xã AN, tỉnh BĐ. - vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1958, Luật sư văn phòng luật sư Thiên Lý thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường NT, thành phố GN, tỉnh Đắk Nông.- có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thế M, sinh năm: 1964, địa chỉ: Khu vực BC, phường ĐĐ, thị xã AN, tỉnh BĐ.- có mặt

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2007 đến năm 2018, bà Nguyễn Thị L và chồng là ông M đã nhiều lần bán bột nhang cho bà Nguyễn Thị P, sau khi đối chiếu công nợ thì bà P còn nợ số tiền cụ thể: Năm 2007, bà P nợ 302.365.000 đồng; Năm 2017, bà P nợ 502.090.000 đồng; Năm 2018, bà P nợ 423.519.000 đồng. Ngoài ra, bà P còn vay vợ chồng bà L, ông M 50.000.000 đồng. Việc đối chiếu công nợ nợ do bà P lập và ký xác nhận nợ. Bà L, ông M đã nhiều lần yêu cầu bà P trả tiền nhưng không trả, vì vậy bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả tổng số tiền nợ gốc là 1.227.974.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế M trình bày:

Ông M cho rằng số tiền bà L khởi kiện bà P yêu cầu trả nợ là tài sản chung của ông và bà L, ông hoàn toàn đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà L, không bổ sung gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà P thừa nhận có nợ tiền mua bán bột nhang và tiền vay của bà L như bà L đã trình bày, tuy nhiên toàn bộ số tiền nợ mua bán tài sản và tiền vay thì bà P đã trả cho bà L đầy đủ nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Việc trả nợ của bà P được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản và trả bằng tiền mặt, khi trả tiền mặt cho bà L và ông M thì do là chỗ thân quen nên không lập giấy tờ về việc trả nợ và cũng không thu hồi giấy nhận nợ nên không có chứng cứ gì chứng minh việc trả nợ và không có ai làm chứng.

Bản án dân sự sơ thẩm số:12/2023/DS-ST ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Khoản 1 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155, Điều 430, Khoản 1 Điều 440, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thế M số tiền 1.277.974.000 đồng (một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/08/2023, bà Nguyễn Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bà P có nợ tiền mua bán tài sản và tiền vay của bà L nhưng đã trả hết nợ nhưng khi trả nợ không lập giấy tờ gì. Ngoài ra,

trước khi khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức bà L đã khởi kiện bà P tại Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định chỉ yêu cầu bà P trả số tiền nợ do mua bán tài sản là 920.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền vay, không yêu cầu số tiền nợ 302.365.000 đồng do mua bán tài sản, như vậy có sự khác nhau về yêu cầu khởi kiện giữa hai lần khởi kiện của bà L với bà P. Vì vậy, ông N giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của bà P, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà L do bà P đã trả hết nợ cho bà L.

Các bên đương sự không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản” là phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã đề nghị HĐXX áp dụng thời hiệu khởi kiện vì cho rằng thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng đã hết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp “Kiện đòi tài sản” và áp dụng các Điều 430, Khoản 1 Điều 440, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không đúng thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật giải quyết không chính xác. Lẽ ra, trong trường hợp này HĐXX phải căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mới đúng. Tuy vậy, nhưng việc giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2.2]. Tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị đơn thừa nhận có giao dịch mua bột nhang với nguyên đơn và đã xác nhận nợ bằng văn bản với tổng số tiền nợ gốc là 1.277.974.000 đồng, cụ thể: Năm 2007, nợ 302.365.000 đồng; Năm 2017 nợ số tiền 502.090.000 đồng; Năm 2018, nợ 423.519.000 đồng và vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ nêu trên bằng tiền mặt và chuyển khoản, đồng thời bị đơn cung cấp một số tài liệu, chứng từ để chứng minh cho việc trả nợ nhưng nguyên đơn không thừa nhận. Xem xét các tài liệu, chứng từ mà bị đơn cung cấp nhận thấy thời gian ghi trong các chứng từ chuyển tiền là trước thời gian mà các bên đối chiếu công nợ nêu trên nên không có giá trị chứng minh. Như vậy, trong trường hợp này bị đơn phải có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh đã trả hết nợ theo lời khai của mình nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thế M tổng số tiền là 1.277.974.000 đồng là có căn cứ.

[3]. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông là phù hợp.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí:

[5.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả cho bà L 25.169.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 02/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thế M tổng số tiền là 1.277.974.000 đồng (*một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm trả tiền theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị P phải chịu 50.339.000 đồng (*năm mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 25.169.000 đồng (*hai mươi năm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số A ngày 14 tháng 03 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số B ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Đắk Nông.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng

